

CÔNG TY CP SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Báo cáo tài chính 31/12/2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		289,035,551,916
Tiền	110		57,475,182,881
Tiền	111		37,774,182,881
Các khoản tương đương tiền	112		19,701,000,000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6,337,869,114
Chứng khoán kinh doanh	121		6,490,268,759
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(152,399,645)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155,749,686,056
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		95,963,884,357
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14,483,868,300
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		15,843,197,111
Phải thu ngắn hạn khác	136		32,704,621,785
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3,257,942,509)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12,057,012
Hàng tồn kho	140		57,867,667,573
Hàng tồn kho	141		61,398,160,122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,530,492,549)
Tài sản ngắn hạn khác	150		11,605,146,292
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,164,311,665
Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9,434,163,394
Thuế phải thu Nhà Nước	153		6,671,233
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		161,029,389,340
Các khoản phải thu dài hạn	210		2,468,667,034
Phải thu dài hạn khác	216		2,468,667,034
Tài sản cố định	220		103,554,422,823
Tài sản cố định hữu hình	221		72,769,350,619
Nguyên giá	222		222,197,928,983
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149,428,578,364)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		30,165,719,147
Nguyên giá	225		37,791,715,523
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7,625,996,376)
Tài sản cố định vô hình	227		619,353,057



Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

<i>Nguyên giá</i>	228	3,547,054,622
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(2,927,701,565)
Tài sản dở dang dài hạn	240	440,818,999
Xây dựng cơ bản dở dang	242	440,818,999
Tài sản dài hạn khác	260	54,565,480,484
Chi phí trả trước dài hạn	261	54,565,480,484
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	
Tài sản dài hạn khác	268	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	450,064,941,256
NGUỒN VỐN		
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	225,018,329,200
Nợ ngắn hạn	310	189,196,966,341
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12,887,219,222
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	765,378,658
Thuế phải nộp Nhà Nước	313	1,615,207,542
Phải trả người lao động	314	4,240,678,880
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15,979,874,645
Phải trả ngắn hạn khác	319	54,028,146,597
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	99,680,460,797
Nợ dài hạn	330	35,821,362,859
Phải trả dài hạn khác	337	3,751,325,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29,552,286,267
Dự phòng phải trả dài hạn	342	2,517,751,592

333
 CÔNG
 CỔ
 M I
 VIỆ
 12 1

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	225,046,612,056
Vốn chủ sở hữu	410	225,046,612,056
Vốn cổ phần	411	163,400,000,000
- <i>Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>	163,400,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412	1,000,000,000
Cổ phiếu quỹ	415	(600,000,000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	14,907,569,048
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	46,339,043,008
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	450,064,941,256
(440 = 300 + 400)		

Ngày 15 tháng 01 năm 2016

Người lập
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thu

Người duyệt
CT HĐQT



Veerapong Sawatyanon

000
IG
PH
30
11
PH

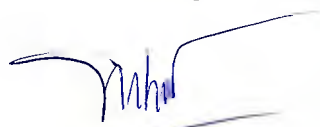
Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán hàng	01	449,880,153,606
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	199,176,270
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	449,680,977,336
Giá vốn hàng bán	11	301,854,679,075
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20	147,826,298,261
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5,746,674,153
Chi phí tài chính	22	13,164,086,713
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	9,284,368,717
Chi phí bán hàng	25	13,915,967,427
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40,207,178,751
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	86,285,739,523
Thu nhập khác	31	1,355,417,452
Chi phí khác	32	1,958,652,545
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(603,235,093)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	85,682,504,430
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4,466,947,708
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	81,215,556,722

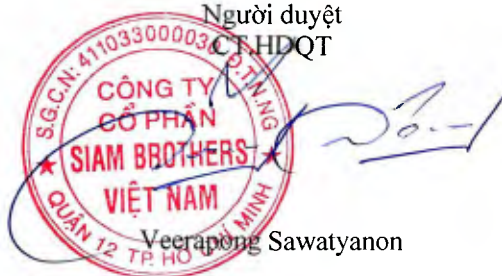
Ngày 15 tháng 01 năm 2016

Người lập
kế toán trưởng:



Nguyễn Thị Ngọc Thu

Người duyệt
CT HDQT



Veerapong Sawatyanon

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	
1. Lợi nhuận trước thuế	85,682,504,430
2. Điều chỉnh cho các khoản	
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	40,200,169,900
- Các khoản dự phòng	184,510,353
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	9,096,092,567
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	395,343,582
- Chi phí lãi vay	(9,464,458,807)
- Các khoản điều chỉnh khác	
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	71,266,295,674
- Tăng, giảm các khoản phải thu	141,366,640,957
- Tăng, giảm hàng tồn kho	(11,812,983,205)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	122,290,627,318
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(231,711,278)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	
- Tiền lãi vay đã trả	(6,765,620,083)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(8,973,903,055)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	228,037,871,408
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(545,285,906,352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	44,719,177,735
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(268,142,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(431,718,464)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(21,040,500,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	6,136,260,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2,586,798,781
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	3,730,095,941
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	



Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

3. Tiền thu từ đi vay	256,189,517,403
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(245,348,317,874)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	(15,849,927,952)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(5,008,728,423)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	26,693,147,629
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	30,782,035,252
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	57,475,182,881

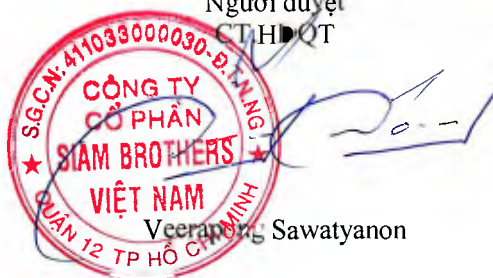
Ngày 15 tháng 01 năm 2016

Người lập
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Thu

Người duyệt
CTHDQT




Veerapong Sawatyanon



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

I. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại dây PP, dây PE, dân thùng bện dùng trong nông ngư nghiệp;
- Sản xuất các phụ kiện, dụng cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp;
- Sản xuất và phát triển phần mềm máy tính; và
- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và quyền phân phối các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông ngư nghiệp.

Công ty có một Trụ Sở Chính tại tòa nhà Anna, số 10, CVPM Quang Trung, P.Tân Chánh Hiệp, q.12, TPHCM, Việt Nam ("Trụ sở chính") theo giấy phép đầu tư số 1321/GP do Ủy Ban Nhân Dân TPHCM cấp ngày 18 tháng 7 năm 1995 trong thời gian 30 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư. .

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/09/2015 tuân thủ các quy định có liên quan của Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan..

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày trong báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

III. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty nếu có được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây.

IV. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/09/2015.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

• Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Không có ảnh hưởng đáng kể nào đến báo cáo tài chính khi áp dụng chính sách kế toán trên.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào và bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cùng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt qua giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm gia tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5-20 năm
- nhà xưởng và máy móc 2-13 năm
- thiết bị văn phòng 3-8 năm
- phương tiện vận chuyển 5-10 năm

Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hoa mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phân chính sách kế toán.

(h) tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 đến 50 năm..

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình, phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 20 đến 50 năm

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Nguyên giá của Công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

30.8
Y
V
ERS
M
CHI

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng 6 tháng trước thời điểm thôi việc.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính



Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp đồng hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp đồng hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - + tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - + có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn ; hoặc
 - + là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty sắp xếp tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp đồng hợp lý thông qua định theo giá trị hợp đồng hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua định theo giá trị hợp đồng hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- + các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- + các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường , ngoại trừ:

- + các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- + các khoản mà công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

4110
 O O
 SIAM
 V
 N 12

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - + khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - + có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - + là công cụ tài chính phái sinh(ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của lý bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích và thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận trong kỳ khi phát sinh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

0000
IG T
PHÁ
30TI
NA
HỒ

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có lãi suy giảm cổ phiếu tiềm tàng

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên khác trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Công ty và bên khác chịu trách nhiệm kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc tổ chức doanh nghiệp hoặc bao gồm các thành viên trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào được xem là một bên liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	188,543,154	318,530,451
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37,585,639,727	30,463,504,801
- Tiền đang chuyển		
Cộng	37,774,182,881	30,782,035,252

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối năm	Đầu năm
a) Chứng khoán kinh doanh	6,490,268,759	3,989,652,447
- Tổng giá trị cổ phiếu	6,490,268,759	3,989,652,447

3. Phải thu của khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	73,135,170,188	32,239,142,815
+ CTy TNHH TM Nghĩa Thái	50,341,746,512	24,248,162,682
+ Cửa Hàng Ngọc Tỷ	22,793,423,676	7,990,980,133
- Các khoản phải thu khách hàng khác	22,828,714,169	16,528,070,223
b) Phải thu của khách hàng dài hạn		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng		
- Các khoản phải thu khách hàng khác		

30. Y N EF M CHI

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

4. Phải thu khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	32,704,621,785	26,294,068,111
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Ký cược, ký quỹ;	6,361,760,024	1,203,719,829
- Cho mượn;		
- Các khoản chi hộ;		
- Phải thu khác.	26,342,861,761	25,090,348,282
b) Dài hạn	2,468,667,034	4,674,255,000
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
- Phải thu người lao động		
- Ký cược, ký quỹ;	2,468,667,034	4,674,255,000
- Cho mượn;		
- Các khoản chi hộ;		
- Phải thu khác.		
Cộng	35,173,288,819	30,968,323,111

5. Hàng tồn kho:	Cuối năm	Đầu năm
- Hàng đang đi trên đường;		
- Nguyên liệu, vật liệu;	23,580,626,229	10,282,086,048
- Công cụ, dụng cụ;	2,857,668,597	2,579,768,246
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	545,032,232	1,517,360,832
- Thành phẩm;	20,071,095,591	28,456,133,721
- Hàng hóa;	10,018,208,712	2,707,751,993
- Hàng gửi bán;	4,325,528,761	1,091,092,137
- Hàng hóa kho bảo thuế.		

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:



Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật cho sản phẩm	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	54,707,366,874	118,093,156,261	8,292,431,603	1,733,198,882		182,826,153,620
- Mua trong kỳ	768,720,909	3,326,988,088	609,090,909	178,940,909		4,883,740,815
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác		36,993,434,653				36,993,434,653
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		2,094,424,517	337,384,432			2,431,808,949
- Giảm khác		73,591,156				73,591,156
Số cuối kỳ	55,476,087,783	156,245,563,329	8,564,138,080	1,912,139,791		222,197,928,983
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	22,261,925,854	87,125,669,869	5,740,355,110	1,626,738,550		116,754,689,383
- Khấu hao trong năm	2,700,097,069	11,314,741,929	882,885,428	82,471,808		14,980,196,234
- Tăng khác		19,767,374,242				19,767,374,242
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		1,662,706,053	337,384,432			2,000,090,485
- Giảm khác		73,591,010				73,591,010
Số cuối kỳ	24,962,022,923	116,471,488,977	6,285,856,106	1,709,210,358		149,428,578,364
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	32,445,441,020	30,967,486,392	2,552,076,493	106,460,332		66,071,464,237
- Tại ngày cuối năm	30,514,064,860	39,774,074,352	2,278,281,974	202,929,433		72,769,350,619

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	2,889,589,140		2,889,589,140
- Mua trong kỳ		657,465,482	657,465,482
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			
- Tăng do hợp nhất kinh doanh			
- Tăng khác			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số cuối kỳ	2,889,589,140	657,465,482	3,547,054,622
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2,753,141,367		2,753,141,367
- Khấu hao trong năm	136,447,773	38,112,426	174,560,199
- Tăng khác			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số cuối kỳ	2,889,589,140	38,112,426	2,927,701,565
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	136,447,773		136,447,773
- Tại ngày cuối năm		619,353,056	619,353,057

8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ					58,348,029,202
- Thuê tài chính trong năm					9,730,000,000
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					
- Tăng khác					
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					
- Giảm khác					30,286,313,679
Số cuối kỳ					37,791,715,523
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ					11,710,182,707

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

- Khấu hao trong năm		10,349,093,645
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		
- Tăng khác		
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính		
- Giảm khác		14,433,279,976
Số cuối kỳ		7,625,996,376
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm		46,637,846,495
- Tại ngày cuối năm		30,165,719,150

9. Chi phí trả trước	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;		
- Chi phí đi vay;		
- Các khoản khác;	2,164,311,665	779,071,400
b) Dài hạn		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí mua bảo hiểm;		
- Các khoản khác	54,565,480,484	55,719,009,471
Cộng	56,729,792,149	56,498,080,871
10. Vay và nợ thuê tài chính	Cuối năm	Đầu năm
a, Vay ngắn hạn	99,680,460,797	79,365,096,213
b, Vay dài hạn	12,486,486,163	22,006,438,511
Cộng	112,166,946,960	101,371,534,724

11. Phải trả người bán	Cuối năm	Đầu năm
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả;	9,551,455,750	5,938,887,780

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

+ SCG Plastics co.,Ltd	2,005,631,200	4,513,287,780
+ Cty CP nhựa OPEC	4,608,450,000	1,425,600,000
+ Cty TNHH thương mại Nghĩa Thái	2,937,374,550	
- Phải trả cho các đối tượng khác	3,335,763,472	3,335,806,203
Cộng	12,887,219,222	9,274,693,983
12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối năm	Đầu năm
a, Phải nộp	1,615,207,542	6,211,946,115
- Thuế GTGT phải nộp		490,468,977
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,615,207,542	6,814,358,671
- Thuế thu nhập cá nhân		(1,092,881,533)
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác		
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	1,615,207,542	6,211,946,115
b, Phải thu	9,434,163,394	17,839,818,032
- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	9,434,163,394	17,839,818,032
- Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ		
Cộng	9,434,163,394	17,839,818,032
13. Phải trả khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	2,876,346	
- Kinh phí công đoàn;	33,365,435	13,606,803
- Bảo hiểm xã hội;	254,877,194	270,038,091
- Bảo hiểm y tế;	87,398,931	44,145,345
- Bảo hiểm thất nghiệp;	19,444,680	19,504,759

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

- Phải trả về cổ phần hoá;	53,356,032,515	12,605,672,692
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	50,000,000	9,999,999
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	224,151,496	2,483,254,648
Cộng	54,028,146,597	15,446,222,337
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3,751,325,000	5,756,316,673
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		

14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước						
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước						
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	163,400,000,000	1,000,000,000	14,907,569,048	32,684,418,428	(600,000,000)	211,391,987,476
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay				81,215,556,722		81,215,556,722
- Tăng khác			120,889,166	37,982,036,313		38,102,925,479
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác			120,889,166	105,542,968,455		105,663,857,621
Số dư cuối năm nay	163,400,000,000	1,000,000,000	14,907,569,048	46,339,043,008		225,046,612,056

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Cuối năm	Đầu năm
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng;	448,887,717,241	
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;	992,436,365	
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ;		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập Báo cáo tài chính;		
Cộng	449,880,153,606	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Cuối năm	Đầu năm
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại;		
- Giảm giá hàng bán;		
- Hàng bán bị trả lại;	199,176,270	
3. Giá vốn hàng bán	Cuối năm	Đầu năm
- Giá vốn của hàng hóa đã bán;	297,928,342,563	
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	2,916,213,784	
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,010,122,728	
Cộng	301,854,679,075	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Cuối năm	Đầu năm
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,985,260,972	
- Lãi bán các khoản đầu tư;		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;		
- Lãi chênh lệch tỷ giá;		
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.	3,761,413,181	

Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015

Cộng 5,746,674,153

5. Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay;
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;
- Chi phí tài chính khác.

Cuối năm Đầu năm
 9,284,368,717

- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính 3,879,717,996

Cộng 13,164,086,713

6. Thu nhập khác

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Lãi do đánh giá lại tài sản;
- Tiền phạt thu được;
- Thuế được giảm;
- Các khoản khác.

Cuối năm Đầu năm

1,355,417,452

Cộng 1,355,417,452

7. Chi phí khác

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Lỗ do đánh giá lại tài sản;
- Các khoản bị phạt;
- Các khoản khác.

Cuối năm Đầu năm
 431,718,464

1,526,934,081

Cộng 1,958,652,545



Ngày 15 tháng 01 năm 2016

Người lập
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Thu

Người duyệt
 CMDQT



Veerapong Sawatyanon